

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 14

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	C H 0313	Phạm Quang Huy	27/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Tin học	8.9	Hóa học	8.9	x	x	7.00	6.75	4.30	
2	S K 0314	Phạm Tạ Quốc Huy	07/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Sinh học	9.9			x	x	8.25	8.25	6.40	KK Sinh
3	V A 0315	Đỗ Khánh Huyền	07/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Ngữ văn	9.0	Tiếng Anh	9.0	x	x	8.25	6.25	8.30	
4	A K 0316	Nguyễn Thị Khánh Huyền	11/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Tiếng Anh	8.6			x		6.50	5.00	6.50	
5	L K 0317	Phan Thị Minh Huyền	05/08/2006	Nữ	Kinh	Bình Định	APC - Pleiku	Vật lí	8.9				x	6.50	4.75	4.10	
6	B V 0318	Trần Phan Ngọc Huyền	05/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Lịch sử	8.2	Ngữ văn	8.3	x	x	7.50	3.00	5.10	
7	A V 0319	Phan Phạm Phương Huyền	10/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	7.9	x	x	8.25	6.25	6.70	
8	A V 0320	Hồ Lê Thương Huyền	22/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	8.7	x		8.00	3.25	4.90	
9	T H 0321	Dương Duy Hùng	07/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Chí Thanh - Pleiku	Toán	9.5	Hóa học	9.6	x		6.50	9.75	3.90	
10	H C 0322	Phan Đức Hùng	26/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Hóa học	9.5	Tin học	8.8	x	x	7.00	4.75	5.40	
11	T C 0323	Nguyễn Huy Hùng	01/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Toán	9.0	Tin học	9.6	x		7.25	8.75	5.40	
12	A K 0324	Nguyễn Quang Hùng	02/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Tiếng Anh	8.8			x	x	6.75	4.25	7.70	
13	L C 0325	Thái Quang Hùng	15/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng - Pleiku	Vật lí	7.7	Tin học	8.5	x		6.50	7.50	3.50	
14	L C 0326	Lê Xuân Hùng	05/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phan Bội Châu - IaGra	Vật lí	9.9	Tin học	7.7	x		6.25	6.75	3.70	
15	A K 0327	Nguyễn Duy Hưng	12/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Ia Nhin - Chư Păh	Tiếng Anh	9.2			x		5.50	4.75	6.70	
16	L C 0328	Cái Hoàng Đăng Hưng	30/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Vật lí	8.8	Tin học	8.0	x		5.75	4.75	5.70	
17	L K 0329	Nguyễn Gia Hưng	13/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân - Pleiku	Vật lí	9.9			x		7.50	5.50	5.00	
18	T A 0330	Phạm Gia Hưng	26/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	8.2	Tiếng Anh	8.8	x	x	5.75	7.00	6.80	
19	T L 0331	Đoàn Nam Hưng	08/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng - Pleiku	Toán	9.4	Vật lí	9.7	x		8.25	10.00	8.00	Nhi Vật lí
20	T C 0332	Lương Thế Quang Hưng	23/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Toán	9.7	Tin học	9.1	x	x	5.75	6.75	4.30	
21	T C 0333	Dương Quốc Hưng	26/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Toán	9.9	Tin học	9.3	x	x	7.50	9.75	7.20	
22	T C 0334	Phạm Lê Quốc Hưng	02/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Thị trấn Phú Hòa - Chư Păh	Toán	9.8	Tin học	9.7		x	8.50	8.50	5.20	Ba Toán
23	C K 0335	Ngô Quốc Hưng	29/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Tin học	8.2			x	x	5.25	4.00	3.40	
24	H T 0336	Trịnh Quốc Hưng	19/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phan Chu Trinh - Đak Đoa	Hóa học	9.2	Toán	9.0	x	x	6.00	2.00	4.10	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Người đọc điểm: *Phạm Văn Loan*

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Người nhập điểm: *Phạm Văn Loan*

PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: *Phạm Văn Loan*

Người soát điểm thứ hai: *Đỗ T. Bách*

Vũ Tiến Tùng

Vũ Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 13

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
									Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	A K 0289	Nguyễn Việt	Hoàng	30/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	8.2			x		5.25	2.25	4.80	
2	T C 0290	Trương Việt	Hoàng	13/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Toán	8.9	Tin học	8.3	x		7.50	7.50	5.20	
3	H K 0291	Huỳnh Tấn	Hòa	10/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.4			x		7.50	5.75	6.30	
4	V C 0292	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	25/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Hưng Đạo - IaGrai	Ngữ văn	8.1	Tin học	9.3	x		7.00	4.25	5.10	
5	S K 0293	Nguyễn Thị	Hồng	23/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	Sinh học	9.6					6.00	5.75	3.10	
6	V K 0294	Trần Thị Thanh	Huế	29/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Hưng Đạo - Chư Sê	Ngữ văn	8.1			x		4.50	1.50	2.20	
7	H T 0295	Nguyễn Thanh Ngân	Huế	26/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.8	Toán	9.9	x		6.50	9.50	6.10	
8	H K 0296	Nguyễn Anh	Huy	11/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Hóa học	9.6			x	x	7.25	4.50	4.30	
9	A K 0297	Trần Đình Gia	Huy	17/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Tiếng Anh	7.3			x	x	5.08	2.00	3.40	
10	T C 0298	Nguyễn Hoàng Gia	Huy	02/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Toán	7.2	Tin học	8.3	x		7.75	5.25	3.10	
11	T A 0299	Trần Ngọc Gia	Huy	11/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Toán	9.4	Tiếng Anh	8.6	x	x	6.75	9.25	7.30	
12	C T 0300	Dương Nguyễn Gia	Huy	15/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tin học	9.7	Toán	9.5	x	x	6.83	6.50	4.00	
13	L C 0301	Trần Nguyễn Gia	Huy	19/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Vật lí	9.0	Tin học	8.1	x		7.25	5.75	4.40	
14	S K 0302	Võ Gia	Huy	11/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Sinh học	9.7			x	x	7.25	5.75	2.80	
15	A K 0303	Vũ Gia	Huy	28/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.6			x	x	8.50	7.75	7.90	
16	T C 0304	Nguyễn Lê	Huy	30/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Toán	9.2	Tin học	8.6	x	x	7.00	7.25	5.80	
17	L C 0305	Lê Minh	Huy	28/03/2006	Nam	Thái	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Vật lí	9.0	Tin học	9.3	x		5.00	4.50	4.10	
18	V D 0306	Phạm Ngọc	Huy	05/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Ngữ văn	6.7	Địa lí	8.0	x		7.50	3.50	3.20	
19	T H 0307	Nguyễn Nhật	Huy	14/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Toán	9.9	Hóa học	9.4	x		7.50	9.00	6.20	
20	T S 0308	Huỳnh Nguyễn Nhật	Huy	29/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Toán	9.6	Sinh học	9.9	x	x	7.25	7.75	5.00	
21	H T 0309	Dương Doãn Quang	Huy	04/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Lê Văn Tám - Pleiku	Hóa học	9.0	Toán	9.2	x		5.83	4.75	2.90	
22	T C 0310	Lê Quang	Huy	03/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Toán	9.3	Tin học	9.0	x	x	6.25	8.50	6.20	
23	H K 0311	Nguyễn Quang	Huy	05/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.6			x	x	8.25	7.25	5.90	
24	S K 0312	Nguyễn Quang	Huy	28/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Sinh học	8.9			x		8.00	6.50	3.90	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm: Phạm Văn Loan

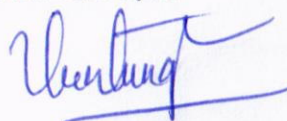
Người nhập điểm: Trần Văn Hùng

Người soát điểm thứ nhất: Lê Thị Ngọc

Người soát điểm thứ hai: Trần Thị Tuyết

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: **12**

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TB	Điểm thi			Ghi chú
									Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	L C 0265	Lê Đại	Hiệp	30/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Vật lí	8.2	Tin học	8.8	x	x	6.50	5.50	4.80	
2	L C 0266	Phạm Trung	Hiệp	19/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Vật lí	8.5	Tin học	8.9	x	x	6.50	7.25	3.70	
3	T C 0267	Thiệu Vĩnh	Hiệp	14/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Toán	9.9	Tin học	9.9	x	x	8.75	9.75	6.40	
4	A V 0268	Nguyễn Thái Mai	Hoa	07/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	9.0	x	x	8.25	7.00	7.00	
5	V L 0269	Đặng Thị Ngọc	Hoa	24/02/2006	Nữ	Kinh	Bình Định	Trần Phú - Pleiku	Ngữ văn	8.5	Vật lí	8.3	x		7.75	4.50	3.00	
6	H C 0270	Trần Nguyễn Bảo	Hoàng	12/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Hóa học	8.9	Tin học	9.0	x		6.75	8.00	5.10	
7	T C 0271	Nguyễn Bá	Hoàng	19/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Chí Thanh - Pleiku	Toán	8.2	Tin học	8.6	x		6.00	7.75	2.30	
8	B K 0272	Lê Công	Hoàng	25/09/2006	Nam	Kinh	Bình Dương	Nguyễn Du - Pleiku	Lịch sử	9.5			x	x	6.50	6.50	5.20	
9	A V 0273	Nguyễn Duy	Hoàng	01/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tiếng Anh	9.1	Ngữ văn	8.5	x	x	8.50	5.75	7.20	
10	H T 0274	Dương Huy	Hoàng	19/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Hóa học	8.9	Toán	9.2	x	x	6.25	4.50	5.90	
11	H A 0275	Nguyễn Huy	Hoàng	02/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Hóa học	9.7	Tiếng Anh	9.3	x		7.25	8.25	8.00	
12	T C 0276	Lê Nguyễn Huy	Hoàng	13/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Toán	9.9	Tin học	9.7			7.50	9.00	6.00	
13	T C 0277	Phan Huy	Hoàng	13/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Toán	9.5	Tin học	9.2	x		6.25	9.00	4.80	
14	T S 0278	Trần Huy	Hoàng	31/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Toán	9.1	Sinh học	9.3	x	x	7.25	9.25	5.90	
15	T H 0279	Nguyễn Hữu	Hoàng	13/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Toán	8.8	Hóa học	8.4	x	x	3.75	2.50	3.30	
16	H T 0280	Nguyễn Hữu	Hoàng	23/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.1	Toán	9.7	x	x	4.50	7.25	5.00	
17	T A 0281	Vũ Khải	Hoàng	22/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	9.3	Tiếng Anh	8.6		x	7.50	7.25	5.60	
18	T C 0282	Lê Minh	Hoàng	17/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu - Đak Đoa	Toán	9.6	Tin học	9.3	x		6.00	9.50	6.50	
19	T C 0283	Trương Minh	Hoàng	20/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Toán	9.1	Tin học	9.0	x	x	5.75	6.50	5.40	
20	A K 0284	Huỳnh Nhật	Hoàng	23/05/2006	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Tiếng Anh	7.8			x		5.75	6.25	5.40	
21	H C 0285	Thái	Hoàng	16/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.5	Tin học	8.8	x	x	7.25	7.75	6.80	KK Hóa học
22	A T 0286	Phạm Văn	Hoàng	18/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.3	Toán	9.0	x		6.50	6.00	7.20	
23	H C 0287	Chu Việt	Hoàng	12/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Hóa học	9.7	Tin học	9.0	x		6.75	6.00	4.80	
24	H T 0288	Nguyễn Việt	Hoàng	09/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Hóa học	8.2	Toán	8.2	x	x	5.50	5.50	3.80	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm: *Phạm Văn Loan*

Người nhập điểm: *Trần Văn Đăng*

Người soát điểm thứ nhất: *Trần Văn Quang*

Người soát điểm thứ hai: *Trần Văn Tuấn*

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Tiên Tùng

Vũ Tiên Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 11

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	H V 0241	Lý Gia Hân	13/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.4	Ngữ văn	8.7	x		6.00	5.50	3.10	
2	V B 0242	Trịnh Mai Gia Hân	05/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	8.1	Lịch sử	9.7	x	x	7.50	6.25	5.80	
3	V K 0243	Nguyễn Phạm Gia Hân	09/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Ngữ văn	8.7			x	x	7.50	5.25	5.10	
4	V C 0244	Đỗ Ngọc Khánh Hân	01/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	8.0	Tin học	9.3	x	x	7.50	5.50	5.80	
5	A D 0245	Trần Nguyễn Mỹ Hân	03/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Tiếng Anh	7.5	Địa lí	9.2	x	x	5.75	0.25	3.20	
6	A V 0246	Phan Bùi Ngọc Hân	13/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	9.0	x	x	7.50	5.75	6.90	
7	A K 0247	Nguyễn Trần Ngọc Hân	17/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Tiếng Anh	9.8			x		7.75	8.50	7.70	
8	V A 0248	Huỳnh Phan Phương Hân	24/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung - Kông Chro	Ngữ văn	8.3	Tiếng Anh	8.7	x	x	7.42	7.75	5.30	
9	H T 0249	Phạm Gia Hậu	08/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	8.6	Toán	8.5	x		5.75	4.25	2.30	
10	T K 0250	Nguyễn Gia Đại Hiền	19/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - AyunPa	Toán	9.7			x		6.00	7.50	4.30	
11	A D 0251	Nguyễn Hoàng Mỹ Hiền	07/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Tiếng Anh	8.6	Địa lí	7.9	x	x	6.25	6.50	5.80	
12	D K 0252	Vương Thị Hiền	17/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Bình Khiêm - IaGrai	Địa lí	9.9			x		7.25	5.75	3.30	Nhi Địa lí
13	A K 0253	Hoàng Thị Thu Hiền	26/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Tiếng Anh	9.6					4.75	2.50	5.80	
14	V A 0254	Đặng Thúy Hiền	26/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Ngữ văn	9.1	Tiếng Anh	8.4	x	x	7.75	6.75	7.00	KK Ngữ văn
15	T H 0255	Hồ Trọng Hiền	21/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nghĩa Hưng - Chư Păh	Toán	9.7	Hóa học	9.4	x		6.00	7.75	4.90	
16	A K 0256	Nguyễn Trần Minh Hiền	14/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Tiếng Anh	9.7			x	x	8.25	9.00	9.20	Nhất Tiếng Anh
17	A D 0257	Nguyễn Ngọc Hiền	03/09/2006	Nam	Kinh	Bình Định	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.9	Địa lí	8.6	x	x	6.25	6.50	7.30	
18	A L 0258	Hồ Đức Hiếu	14/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.3	Vật lí	9.1	x	x	7.75	6.25	8.90	
19	T C 0259	Trương Mạnh Hiếu	28/11/2006	Nam	Kinh	Thanh Hóa	Thị trấn Phú Hòa - Chư Păh	Toán	9.9	Tin học	9.4		x	5.50	9.75	3.00	KK Toán
20	L K 0260	Nguyễn Minh Hiếu	10/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Vật lí	9.0			x		3.25	9.00	3.70	
21	D K 0261	Đinh Trung Hiếu	26/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Địa lí	7.8			x		4.00	1.00	3.00	
22	A K 0262	Nguyễn Khúc Trung Hiếu	08/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Huỳnh Thúc Kháng - Pleiku	Tiếng Anh	8.9			x		4.00	4.50	5.30	
23	T C 0263	Hoàng Văn Hiếu	30/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	9.2	Tin học	8.5	x	x	7.25	5.00	3.10	
24	H C 0264	Lê Văn Hiếu	07/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Hóa học	8.4	Tin học	8.5	x	x	7.25	4.75	2.70	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Người đọc điểm: *Phạm Văn Loan*

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Người nhập điểm: *Phạm Văn Loan*

PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: *Phạm Văn Loan*

Vũ Tiến Tùng

Người soát điểm thứ hai: *Phạm Văn Loan*

Vũ Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 10

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
									Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	L K 0217	Huỳnh Trọng Anh	Hào	19/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Vật lí	8.8					4.25	4.50	2.60	
2	A K 0218	Nguyễn Đình Hải	Hải	24/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	x	5.50	6.25	7.80	
3	H K 0219	Hoàng Thị Thanh	Hải	24/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Hóa học	8.8			x		6.00	5.25	2.80	
4	T A 0220	Dương Tiến	Hải	16/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	9.6	Tiếng Anh	9.9	x	x	8.25	9.75	9.60	KK Toán
5	H C 0221	Trần Võ	Hải	21/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Hóa học	9.6	Tin học	8.7	x	x	6.25	4.00	5.60	
6	S K 0222	Nguyễn Lê Phúc	Hào	14/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Văn Tám - Pleiku	Sinh học	9.5			x		7.75	6.33	5.70	
7	H A 0223	Đặng Nhật	Hạ	20/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Hóa học	8.7	Tiếng Anh	8.7	x		7.25	8.00	5.80	
8	T C 0224	Nguyễn Hữu Đức	Hạnh	03/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	9.7	Tin học	8.9	x	x	8.00	9.25	5.90	
9	A V 0225	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	21/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	TT Phú Hòa - Chư Păh	Tiếng Anh	9.2	Ngữ văn	8.7	x	x	8.50	6.50	5.80	
10	A T 0226	Bùi Châu	Hằng	20/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	10.0	Toán	9.6	x	x	8.75	9.75	9.90	Nhất Tiếng Anh
11	S D 0227	Nguyễn Ngọc Diễm	Hằng	11/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Sinh học	8.1	Địa lí	8.3	x		6.50	3.75	1.60	
12	L S 0228	Nguyễn Ngọc Kim	Hằng	02/10/2006	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Huệ - Pleiku	Vật lí	9.0	Sinh học	9.8	x		6.75	3.75	3.60	
13	V B 0229	Nguyễn Diễm Minh	Hằng	14/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	8.8	Lịch sử	9.6	x	x	7.92	2.50	3.30	
14	V K 0230	Hoàng Thị Thanh	Hằng	10/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	9.1			x	x	8.25	5.75	5.10	Nhi Ngữ văn
15	A K 0231	Nguyễn Phan Thủy	Hằng	07/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	x	8.25	6.75	7.80	
16	H A 0232	Đoàn Thân Thủy	Hằng	10/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	8.8	Tiếng Anh	8.6	x		5.00	6.75	4.80	
17	V A 0233	Lương Ngọc Bảo	Hân	03/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Huỳnh Thúc Kháng - Pleiku	Ngữ văn	8.7	Tiếng Anh	9.3	x		6.50	6.00	6.50	
18	V K 0234	Võ Ngọc Bảo	Hân	07/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	9.0			x		8.75	5.50	4.00	
19	A K 0235	Nguyễn Bảo	Hân	23/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Tiếng Anh	9.1			x	x	7.00	6.50	6.90	
20	V S 0236	Châu Gia	Hân	13/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân - Pleiku	Ngữ văn	9.0	Sinh học	8.3	x		6.25	4.25	3.10	
21	T C 0237	Đinh Gia	Hân	08/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự - Pleiku	Toán	9.9	Tin học	8.4	x		7.50	7.25	5.50	
22	V B 0238	Hồ Gia	Hân	21/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	8.4	Lịch sử	9.1	x		6.92	4.75	4.60	
23	A T 0239	Đặng Lê Gia	Hân	18/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.5	Toán	9.1	x	x	7.25	10.00	8.30	Nhi Tiếng Anh
24	B V 0240	Nguyễn Lê Gia	Hân	28/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Lịch sử	8.9	Ngữ văn	8.2	x	x	8.25	2.50	7.00	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm: Phan Văn Loan

Người nhập điểm: Trần Văn Đoàn

Người soát điểm thứ nhất: Trần Văn Đoàn

Người soát điểm thứ hai: Đ.T. Bạch Tuyết

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Tiên Tùng

Vũ Tiên Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Khoa Nghi

Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: **09**

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TB	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	S K 0193	Nguyễn Đình Đức	13/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu - Đăk Đoa	Sinh học	8.5					7.00	4.75	5.10	
2	S K 0194	Nguyễn Minh Đức	15/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Sinh học	8.5			x		6.08	3.66	3.30	
3	A K 0195	Võ Minh Đức	30/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.7			x	x	7.00	7.25	8.20	
4	C H 0196	Bùi Quang Đức	20/07/2006	Nam	Kinh	Bình Phước	Nguyễn Văn Linh - Đăk Đoa	Tin học	8.8	Hóa học	9.6	x		4.75	6.25	3.20	
5	T C 0197	Đặng Trần Quang	24/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	8.6	Tin học	8.3	x		5.75	4.25	2.30	
6	C K 0198	Trần Tiến Đức	24/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tin học	8.6			x	x	5.25	7.50	4.10	
7	H T 0199	Ngô Tri Đức	05/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Hóa học	7.8	Toán	8.5	x		7.75	4.25	5.30	
8	L C 0200	Vũ Trọng Đức	05/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Vật li	8.1	Tin học	7.7	x		5.75	5.00	4.40	
9	S K 0201	Nguyễn Văn Đức	21/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Sinh học	9.6			x	x	7.25	5.50	3.50	
10	A K 0202	Dương Hiền	24/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Bình Khiêm - Kbang	Tiếng Anh	9.6				x	5.75	6.25	9.30	Ba Tiếng Anh
11	A K 0203	Phạm Vũ Hoàng	26/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Tiếng Anh	9.6			x	x	8.50	6.50	9.20	Ba Tiếng Anh
12	T C 0204	Hà Hương	02/03/2006	Nữ	Kinh	Vũng Tàu	Quang Trung - Đức Cơ	Toán	9.3	Tin học	8.7	x		6.50	8.00	3.50	
13	A K 0205	Trần Hoàng Hương	14/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Bình Khiêm - Kbang	Tiếng Anh	9.2			x	x	4.25	4.00	9.20	KK Tiếng Anh
14	V K 0206	Ngô Hương	01/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Ngữ văn	8.6			x		5.25	2.25	3.50	
15	B K 0207	Vũ Thị Hương	16/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng - Pleiku	Lịch sử	8.3			x		5.75	4.50	2.90	
16	V A 0208	Lê Nguyễn Hoàng Phương	14/01/2006	Nữ	Kinh	Kon Tum	TH, THCS & THPT Sao Việt - Pleiku	Ngữ văn	8.4	Tiếng Anh	8.9	x		8.00	5.00	5.60	
17	A K 0209	Nguyễn Phạm Thu	29/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An - Mang Yang	Tiếng Anh	9.3			x		7.50	7.75	6.90	
18	A B 0210	Bạch Hải	19/03/2006	Nữ	Kinh	Bình Định	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Tiếng Anh	9.6	Lịch sử	9.2	x		8.25	5.25	6.10	
19	H C 0211	Đậu Hải	08/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Hóa học	9.3	Tin học	9.5	x	x	7.50	6.25	4.90	
20	V K 0212	Nguyễn Cao Khánh	09/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Ngữ văn	7.4			x	x	7.75	4.75	4.20	
21	H T 0213	Trần Thị Thanh	23/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Hóa học	9.8	Toán	9.5	x		8.00	6.75	4.60	
22	T S 0214	Nguyễn Ý Thanh	29/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng - Pleiku	Toán	9.1	Sinh học	9.6	x		8.50	8.00	5.70	
23	D K 0215	Nguyễn Đặng Thu	13/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Địa li	8.7			x		7.00	2.75	3.00	
24	H K 0216	Võ Lê Việt	06/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương - Pleiku	Hóa học	9.6			x		3.00	5.00	3.20	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm: Đỗ Phan Yên Loan

Người nhập điểm: Đỗ Trần Lê Đăng Hải

Người soát điểm thứ nhất: Đỗ Lê Thị Ngọc Ngân

Người soát điểm thứ hai: Đỗ Thị Bích Tuyết

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Tiến Tùng

Vũ Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Khoa Nghi

Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGỮ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: **08**

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	H K 0169	Nguyễn Vương Đại	06/01/2006	Nam	Kinh	Kon Tum	APC - Pleiku	Hóa học	8.1					4.00	2.25	2.30	
2	A K 0170	Nguyễn Đức Đạt	05/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Tiếng Anh	8.7			x	x	7.50	6.25	7.10	
3	T C 0171	Đinh Võ Minh Đạt	13/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Toán	9.2	Tin học	9.1	x		7.00	9.00	7.10	
4	C H 0172	Trần Quang Đạt	15/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Tin học	7.8	Hóa học	9.1			6.25	6.75	5.40	
5	H C 0173	Lê Dương Quốc Đạt	27/04/2006	Nam	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.3	Tin học	9.5	x	x	6.00	6.25	6.40	
6	A T 0174	Nguyễn Hoàng Quốc Đạt	20/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Tiếng Anh	8.8	Toán	9.7	x	x	6.75	6.25	8.10	
7	H K 0175	Nguyễn Tấn Đạt	19/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phan Chu Trinh - Đak Đoa	Hóa học	9.2			x		5.00	3.75	5.50	
8	L K 0176	Nguyễn Thanh Đạt	27/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Vật li	9.0					6.50	4.00	3.20	
9	T C 0177	Đoàn Thành Đạt	24/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	9.8	Tin học	9.0	x	x	8.25	10.00	9.10	
10	T C 0178	Nguyễn Lê Thành Đạt	07/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An - Mang Yang	Toán	9.5	Tin học	9.3	x		7.25	8.00	5.90	
11	H K 0179	Nguyễn Thành Đạt	12/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.6			x	x	6.75	6.50	3.70	
12	S K 0180	Bùi Phạm Thành Đạt	03/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Huỳnh Thúc Kháng - Pleiku	Sinh học	8.5			x		7.75	5.50	6.30	
13	T C 0181	Nguyễn Hà Tiến Đạt	29/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	8.7	Tin học	8.3	x		5.75	6.50	1.60	
14	T C 0182	Hoàng Tiến Đạt	10/01/2006	Nam	Kinh	Thanh Hóa	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	7.1	Tin học	8.4	x	x	6.75	3.25	3.10	
15	L V 0183	Lê Tiến Đạt	06/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Vật li	8.9	Ngữ văn	8.9	x	x	7.00	8.25	4.90	
16	S K 0184	Phan Tiến Đạt	22/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Sinh học	9.6			x		5.25	9.00	2.90	
17	H C 0185	Võ Trọng Đạt	16/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Hóa học	9.6	Tin học	9.6	x	x	5.75	7.75	8.10	
18	T C 0186	Nguyễn Viết Đạt	27/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Toán	7.7	Tin học	9.5	x		7.50	7.50	1.70	
19	H A 0187	Lê Nguyễn Hải Đăng	21/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân - Pleiku	Hóa học	9.3	Tiếng Anh	9.5	x		7.00	6.25	6.50	
20	L K 0188	Văn Hải Đăng	04/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Thường Kiệt - Chư puh	Vật li	9.5					6.58	8.50	3.40	Ba Vật li
21	L K 0189	Phạm Nguyên Đăng	25/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Vật li	9.1			x		5.00	6.50	5.60	
22	A L 0190	Nguyễn Xuân Đồng	27/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Tiếng Anh	8.5	Vật li	9.2	x	x	6.00	9.75	6.30	KK Vật li
23	T A 0191	Cao Anh Đức	10/05/2006	Nam	Kinh	Hà Tây	Hùng Vương - IaGrai	Toán	9.7	Tiếng Anh	9.8		x	6.50	9.00	9.30	KK Tiếng Anh
24	D K 0192	Nguyễn Anh Đức	19/01/2006	Nam	Kinh	Kon Tum	Nguyễn Huệ - Pleiku	Địa lí	9.2			x	x	7.25	5.00	5.70	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Người đọc điểm: *Phan Văn Loan*

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Người nhập điểm: *Đỗ Thị Lệ Dung*

PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: *Bà Trần Thị Nguyệt*

Người soát điểm thứ hai: *Đỗ Thị Bích Tuyết*

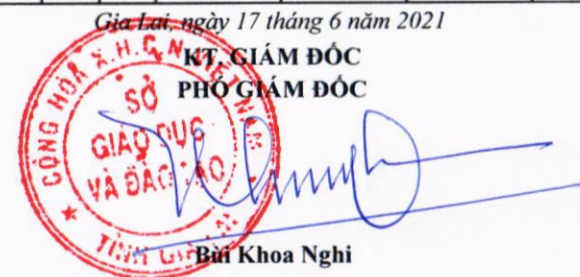
Vũ Tiến Tùng

Vũ Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 07

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	H S 0145	Lý Quốc Duy	24/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Hóa học	8.2	Sinh học	9.1	x		6.25	5.00	3.70	
2	L C 0146	Trần Tấn Duy	03/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Vật lý	8.7	Tin học	9.1	x		7.50	6.00	5.00	
3	B K 0147	Trương Mỹ Duyên	02/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Lịch sử	9.3			x		7.00	2.00	2.80	
4	A V 0148	Lương Thanh Tâm Duyên	27/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.4	Ngữ văn	9.1	x		9.00	6.75	8.30	
5	T C 0149	Hoàng Anh Dũng	04/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Chư Pưh	Toán	9.9	Tin học	9.6	x		8.00	8.25	5.00	
6	A T 0150	Nguyễn Hữu Minh Dũng	27/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.3	Toán	9.2	x	x	7.50	8.50	9.10	
7	T L 0151	Hoàng Bùi Nghĩa Dũng	14/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Toán	9.7	Vật lý	9.2	x	x	7.25	10.00	8.10	Nhất Toán
8	A H 0152	Lê Quang Dũng	11/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Tiếng Anh	7.0	Hóa học	9.0	x	x	5.00	3.25	3.10	
9	T A 0153	Nguyễn Quang Dũng	03/10/2006	Nam	Kinh	Lâm Đồng	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	9.2	Tiếng Anh	9.3	x	x	8.25	10.00	8.50	
10	B K 0154	Nguyễn Quang Dũng	19/09/2006	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	Trần Phú - Pleiku	Lịch sử	9.2			x	x	6.25	4.25	3.90	
11	A H 0155	Đào Văn Quang Dũng	19/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Sao Việt - Pleiku	Tiếng Anh	9.8	Hóa học	9.5	x		7.25	6.00	8.30	
12	H T 0156	Nguyễn Quốc Dũng	03/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Hóa học	10.0	Toán	9.7	x	x	8.50	9.50	7.00	Nhất Hóa học
13	T C 0157	Nguyễn Tấn Dũng	01/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Toán	9.2	Tin học	8.5	x	x	7.75	6.50	3.30	
14	A K 0158	Nguyễn Võ Tấn Dũng	16/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Tiếng Anh	8.4			x	x	7.00	3.25	4.70	
15	A H 0159	Nguyễn Tiến Dũng	20/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Tiếng Anh	8.2	Hóa học	9.0	x		8.25	6.75	6.40	
16	H S 0160	Nguyễn Đăng Hải Dương	17/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.5	Sinh học	9.7	x	x	8.75	7.25	4.30	
17	V K 0161	Võ Lê Thùy Dương	08/09/2006	Nữ	Kinh	Bình Định	Quang Trung - Kông Chro	Ngữ văn	8.5			x	x	7.00	4.00	4.60	
18	C T 0162	Nguyễn Thị Thùy Dương	24/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tin học	8.9	Toán	8.6	x	x	6.25	6.25	5.30	
19	D K 0163	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng - Pleiku	Địa lý	8.9			x		7.75	4.50	3.70	
20	V D 0164	Nguyễn Võ Thùy Dương	23/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	8.2	Địa lý	8.8	x	x	6.75	3.00	4.60	
21	L K 0165	Tô Trương Dương	19/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Vật lý	8.3			x		4.25	5.50	2.00	
22	A K 0166	Nguyễn Trần Khánh Đan	02/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	x	8.25	7.25	8.60	
23	V K 0167	Nguyễn Linh Đan	06/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Văn Tám - Pleiku	Ngữ văn	8.9			x		8.00	5.00	6.60	
24	H C 0168	Lê Thị Xuân Đài	31/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân - Pleiku	Hóa học	10.0	Tin học	8.9	x		7.75	9.00	5.00	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm: *Phạm Văn Loan*

Người nhập điểm: *Phạm Văn Đăng Hải*

Người soát điểm thứ nhất: *Phạm Văn Quang*

Người soát điểm thứ hai: *Đỗ Thị Bích Thủy*

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Tiến Tùng

Vũ Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Khoa Nghi

Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: **06**

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	H K 0121	Nguyễn Thái Cường	24/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Thị trấn Phú Hòa - Chư Păh	Hóa học	9.8			x		6.75	6.25	4.70	
2	H C 0122	Dương Tuấn Cường	02/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.4	Tin học	8.7	x		7.00	6.25	4.60	
3	A V 0123	Lê Công Danh	07/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Chư Păh	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	8.9	x		6.50	6.25	8.20	
4	V A 0124	Lê Nhật Thành Danh	25/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	8.2	Tiếng Anh	6.7	x		7.00	4.75	2.50	
5	A K 0125	Phan Khả Di	22/12/2006	Nữ	Kinh	Bình Định	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.6			x	x	7.75	10.00	8.30	
6	H K 0126	Nguyễn Thị Hồng Diễm	07/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Thường Kiệt - Pleiku	Hóa học	9.6			x		7.00	5.25	3.50	
7	A V 0127	Huỳnh Thị Ngọc Diễm	21/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	9.1	x	x	8.16	5.25	7.60	
8	H K 0128	Phạm Ngọc Thúy Diễm	26/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Hóa học	8.5			x		8.25	5.00	4.30	
9	A K 0129	Phan Thúy Diễm	16/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Tiếng Anh	8.8			x	x	7.75	5.00	4.20	
10	H S 0130	Nguyễn Thị Diệu	19/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Hóa học	8.6	Sinh học	9.5	x		8.00	5.25	2.30	
11	A K 0131	Trần Thị Diệu	09/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương - Ia Grai	Tiếng Anh	9.4			x	x	6.75	7.00	7.40	
12	S K 0132	Đoàn Vũ Xuân Diệu	07/06/2006	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	Nguyễn Chí Thanh, Chư Prông	Sinh học	9.0			x		7.00	6.50	4.60	
13	A K 0133	Nguyễn Hoàng Dung	25/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	x	8.75	8.75	9.20	
14	A T 0134	Vũ Hoàng Dung	02/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Quốc Toàn - Phú Thiện	Tiếng Anh	9.7	Toán	9.6	x		5.00	6.50	7.40	
15	A H 0135	Hoàng Thị Mỹ Dung	03/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.6	Hóa học	9.9	x		8.00	7.00	8.60	
16	B V 0136	Tổng Mỹ Dung	18/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Lịch sử	9.1	Ngữ văn	8.6	x		7.00	1.50	3.10	
17	L C 0137	Đào Ngọc Dung	20/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An - Mang Yang	Vật lý	8.7	Tin học	9.7	x		7.50	8.50	4.60	
18	V D 0138	Hoàng Ngọc Dung	19/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	7.8	Địa lý	8.7	x	x	6.75	3.25	2.80	
19	A V 0139	Nguyễn Ngọc Dung	09/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Tiếng Anh	8.9	Ngữ văn	8.6	x	x	7.75	5.25	8.30	
20	A K 0140	Phan Thùy Dung	30/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Tiếng Anh	8.5			x	x	6.16	5.75	7.40	
21	A K 0141	Đỗ Công Duy	26/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tiếng Anh	9.6			x	x	3.75	5.50	8.00	
22	C V 0142	Nguyễn Hồng Duy	16/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tin học	9.5	Ngữ văn	7.6	x	x	6.25	5.75	5.90	
23	H K.0143	Lê Khánh Duy	26/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Ayun Pa	Hóa học	9.8			x		5.25	5.00	4.70	
24	T A 0144	Ngô Lê Duy	13/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Toán	9.5	Tiếng Anh	9.2	x	x	6.50	9.50	7.10	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Người đọc điểm: Phan Văn Loan

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Người nhập điểm: Đỗ Văn Tiến

PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: Phạm Thị Ngọc Quyên

Chen Tung

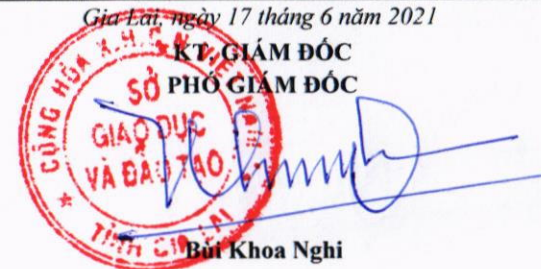
Người soát điểm thứ hai: Đỗ Văn Tiến

Võ Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC

SỞ PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGỮ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: **05**

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
									Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	A H 0097	Phan Sử	Bắc	03/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.6	Hóa học	9.2	x	x	6.75	3.50	8.50	Nhi Tiếng Anh
2	T C 0098	Khuất Hải	Biên	23/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Toán	8.9	Tin học	8.9	x		5.00	6.00	5.30	
3	A T 0099	Nguyễn Diệu Gia	Bình	13/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.6	Toán	9.6	x	x	7.25	9.75	8.60	
4	C T 0100	Đoàn Hữu Gia	Bình	22/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Tin học	9.8	Toán	9.5	x		8.33	9.50	8.00	
5	S K 0101	Nguyễn Gia	Bình	12/08/2006	Nam	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du - Pleiku	Sinh học	8.3			x		5.75	5.75	2.70	
6	A K 0102	Đình Hữu	Bình	08/12/2006	Nam	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	8.1			x	x	4.75	2.75	4.60	
7	H K 0103	Trần Thị Thanh	Bình	11/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Hóa học	9.5			x	x	8.00	7.00	6.20	
8	T A 0104		Byor	16/12/2006	Nữ	Bana	Gia Lai	Lương Thế Vinh - Pleiku	Toán	8.0	Tiếng Anh	8.8	x		3.50	1.50	2.80	
9	S K 0105	Vũ Thị Huyền	Chân	08/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Sinh học	9.3			x		5.50	6.50	4.20	
10	H V 0106	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	03/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.6	Ngữ văn	8.3	x	x	5.50	6.50	3.00	
11	A K 0107	Võ Nguyễn Bảo	Châu	02/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Tiếng Anh	8.4			x	x	6.41	5.75	7.90	
12	T A 0108	Nguyễn Diệu	Châu	05/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Toán	9.2	Tiếng Anh	8.2	x	x	7.75	6.00	7.00	
13	A V 0109	Vũ Thị Minh	Châu	05/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	9.0	x	x	8.25	7.50	8.40	Nhi Tiếng Anh
14	L A 0110	Nguyễn Thị Khánh	Chi	27/11/2006	Nữ	Kinh	Nghệ An	Lương Thế Vinh - Pleiku	Vật lý	7.5	Tiếng Anh	8.5	x	x	4.50	2.50	3.10	
15	B V 0111	Phạm Trần Khánh	Chi	16/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Lịch sử	8.5	Ngữ văn	7.2	x		6.50	3.25	3.60	
16	H V 0112	Trương Ngọc Kim	Chi	13/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.1	Ngữ văn	8.1	x	x	6.75	4.50	5.20	
17	A K 0113	Mai	Chi	16/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.6			x	x	8.00	3.00	4.10	
18	V A 0114	Lê Vũ Yến	Chi	19/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Ngữ văn	8.9	Tiếng Anh	8.7	x		9.00	5.75	6.20	
19	T C 0115	Hoàng Sỹ Anh	Chương	21/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Toán	9.7	Tin học	8.6	x	x	7.00	8.75	5.10	
20	T C 0116	Trần Văn	Chương	09/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Toán	9.1	Tin học	8.8	x	x	7.50	8.00	7.60	
21	V K 0117	Hoàng Bá	Công	13/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	6.1					6.00	1.50	3.70	
22	T C 0118	Lê Thành	Công	22/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	9.7	Tin học	8.4	x		8.00	9.25	3.90	
23	T C 0119	Nguyễn	Cường	26/02/2006	Nam	Kinh	Bình Định	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	8.9	Tin học	8.6		x	4.75	7.50	2.40	
24	T C 0120	Mai Hồ Quang	Cường	17/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Toán	9.5	Tin học	9.4	x	x	8.00	9.50	5.20	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Người đọc điểm: *Phạm Văn Loan*

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Người nhập điểm: *Phạm Văn Loan*

PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: *Phạm Văn Loan*

Người soát điểm thứ hai: *Phạm Văn Loan*

Vũ Tiến Tùng

Vũ Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: **04**

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
									Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	D K 0073	Lê Châu Ái	Ái	12/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Chư Pưh	Địa lí	9.5			x		6.00	2.25	1.70	KK Địa lí
2	T K 0074	Nguyễn Ngọc Ánh	Ánh	26/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	8.2			x		7.25	5.75	3.20	
3	H T 0075	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Ánh	15/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Đăk Đoa	Hóa học	9.2	Toán	8.4	x	x	7.50	6.75	2.70	
4	S K 0076	Trần Thị Ngọc Ánh	Ánh	03/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Sinh học	9.6			x	x	7.75	6.75	5.00	
5	A K 0077	Trần Thị Ngọc Ánh	Ánh	28/06/2006	Nữ	Kinh	Bình Định	Trần Phú - Pleiku	Tiếng Anh	8.6			x	x	4.00	0.75	5.40	
6	A B 0078	Nguyễn Tổng Thiên Ân	Ân	16/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Huỳnh Thúc Kháng - Pleiku	Tiếng Anh	9.4	Lịch sử	9.1	x		7.25	6.75	8.30	
7	H C 0079	Đình Gia Bảo	Bảo	30/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.3	Tin học	8.4	x	x	7.50	7.50	7.80	
8	A K 0080	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	Bảo	26/09/2006	Nam	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	x	7.75	5.50	8.70	Ba Tiếng Anh
9	L C 0081	Nguyễn Gia Bảo	Bảo	21/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Vật lí	8.8	Tin học	7.3	x		6.00	6.75	3.20	
10	H K 0082	Hà Thế Gia Bảo	Bảo	30/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.4			x	x	5.75	1.25	4.30	
11	H C 0083	Trần Gia Bảo	Bảo	09/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.0	Tin học	9.3	x	x	7.25	7.50	4.70	
12	L C 0084	Trần Gia Bảo	Bảo	27/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Vật lí	9.8	Tin học	9.2	x	x	6.50	7.50	5.60	
13	B K 0085	Nguyễn Lương Hoài Bảo	Bảo	05/06/2006	Nam	Kinh	Kon Tum	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Lịch sử	8.1			x		4.00	1.50	1.90	
14	H C 0086	Nguyễn Hoài Bảo	Bảo	19/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân - Pleiku	Hóa học	9.2	Tin học	9.4	x		5.75	6.50	3.70	
15	T C 0087	Dương Nay Bảo	Bảo	22/01/2006	Nam	Jarai	Gia Lai	Phan Bội Châu - IaPa	Toán	9.8	Tin học	9.4	x		6.00	9.50	5.50	
16	H K 0088	Lê Nhật Bảo	Bảo	12/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Hóa học	9.2			x		6.75	4.75	4.00	
17	T C 0089	Nguyễn Quang Bảo	Bảo	24/08/2006	Nam	Kinh	Bình Định	Chu Văn An - Mang Yang	Toán	9.8	Tin học	9.7	x		6.91	7.75	5.60	
18	A V 0090	Lê Quốc Bảo	Bảo	11/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân - Pleiku	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	9.0	x		7.75	6.75	5.60	
19	A T 0091	Lê Quốc Bảo	Bảo	05/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.2	Toán	8.5	x	x	5.00	6.75	7.00	
20	T A 0092	Phạm Quốc Bảo	Bảo	29/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Toán	8.9	Tiếng Anh	8.4	x	x	6.50	5.50	5.00	
21	B K 0093	Phạm Quốc Bảo	Bảo	19/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Quang Trung - Đức Cơ	Lịch sử	9.2			x		6.50	6.25	5.00	
22	L K 0094	Phạm Thế Bảo	Bảo	14/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Vật lí	8.7			x	x	5.00	4.00	4.20	
23	A V 0095	Trương Trung Bách	Bách	04/12/2006	Nam	Kinh	Bình Định	Trần Phú - Pleiku	Tiếng Anh	9.2	Ngữ văn	7.8	x	x	7.25	8.50	9.30	
24	T K 0096	Đỗ Quý Bắc	Bắc	24/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	8.4			x		5.00	5.75	4.80	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Người đọc điểm: *Phạm Văn Loan*

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Người nhập điểm: *Trần Văn Hải*

PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: *Trần Văn Hải*

Võ Tiến Tùng

Người soát điểm thứ hai: *Đỗ Văn Hùng*

Võ Tiến Tùng

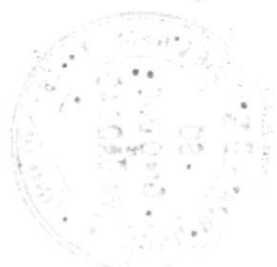
Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Khoa Nghi



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: **03**

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
									Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	H K 0049	Huỳnh Quang	Anh	20/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	8.6			x		7.00	6.00	4.20	
2	L C 0050	Nguyễn Đại Quốc	Anh	21/12/2005	Nam	Kinh	Bình Định	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Vật lý	9.7	Tin học	9.0	x	x	7.75	6.75	5.60	
3	D V 0051	Nguyễn Quốc	Anh	07/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Địa lý	8.8	Ngữ văn	8.4	x		7.25	5.75	2.40	
4	A K 0052	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	30/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương - Pleiku	Tiếng Anh	9.0			x		6.25	6.25	7.20	
5	V C 0053	Nguyễn Quỳnh	Anh	14/08/2006	Nữ	Kinh	Đà Nẵng	Trần Phú - Pleiku	Ngữ văn	8.8	Tin học	9.3	x	x	8.25	5.50	5.10	
6	A K 0054	Nguyễn Quỳnh	Anh	10/10/2006	Nữ	Kinh	Hồ Chí Minh	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.1			x	x	6.75	5.25	4.60	
7	A V 0055	Nguyễn Phan Quỳnh	Anh	28/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phan Bội Châu - Ia Grai	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	8.4	x		8.25	7.25	7.40	
8	A V 0056	Trào Thị Quỳnh	Anh	11/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	8.8	x	x	8.50	7.50	9.10	
9	A V 0057	Võ Đăng Tâm	Anh	01/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	8.2	Ngữ văn	7.6	x	x	6.50	0.75	3.70	
10	T C 0058	Nguyễn Thái	Anh	16/05/2006	Nam	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du - Pleiku	Toán	9.5	Tin học	9.1	x	x	7.00	10.00	6.50	
11	S V 0059	Đình Thế	Anh	10/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Sinh học	9.6	Ngữ văn	9.1	x	x	8.00	6.00	5.30	
12	A K 0060	Nguyễn Phan Thùy	Anh	16/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.5			x	x	6.50	4.00	8.20	
13	T C 0061	Nguyễn Tiến	Anh	09/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Hưng Đạo - IaGrai	Toán	9.5	Tin học	9.5	x		6.00	8.50	2.80	KK Toán
14	L C 0062	Phan Nguyễn Tiến	Anh	18/10/2006	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	Võ Thị Sáu - Đak Doa	Vật lý	8.4	Tin học	8.2	x		5.50	6.25	4.70	
15	S K 0063	Nguyễn Thị Trâm	Anh	27/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Sinh học	9.7			x	x	5.00	6.25	3.30	
16	S K 0064	Nguyễn Phạm Trung	Anh	12/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Sinh học	9.3			x	x	7.50	5.75	4.50	
17	T C 0065	Lê Tuấn	Anh	15/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Hưng Đạo - IaGrai	Toán	9.5	Tin học	9.6	x		4.75	9.75	5.20	
18	H K 0066	Hoàng Ngọc Tuấn	Anh	17/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Lê Văn Tám - Pleiku	Hóa học	9.2			x		6.50	6.50	6.30	
19	L V 0067	Nguyễn Tuấn	Anh	01/10/2006	Nam	Kinh	Nam Định	Nguyễn Huệ - Pleiku	Vật lý	8.6	Ngữ văn	8.6	x		6.00	6.00	4.70	
20	T L 0068	Trần Tuấn	Anh	28/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng - Pleiku	Toán	9.4	Vật lý	9.0	x		7.50	8.00	5.50	
21	C H 0069	Hà Xuân Tuấn	Anh	29/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Tin học	9.1	Hóa học	8.0	x	x	6.50	5.25	3.30	
22	A H 0070	Nguyễn Tú	Anh	13/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.1	Hóa học	9.5	x	x	7.00	7.50	7.30	
23	V K 0071	Nguyễn Tú	Anh	03/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng - Pleiku	Ngữ văn	9.0			x		6.50	8.75	8.30	
24	T A 0072	Nguyễn Võ	Anh	10/11/2006	Nữ	Kinh	Kon Tum	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	8.0	Tiếng Anh	8.4	x	x	7.00	3.00	3.90	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Người đọc điểm: *Phan Văn Loan*

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Người nhập điểm: *Trào Thị Quỳnh*

PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: *Trần Thị Ngọc Lan*

Người soát điểm thứ hai: *Đỗ Thị Bích Ngọc*

Võ Tiên Tùng

Võ Tiên Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: **02**

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	A T 0025	Nguyễn Dương Huệ Anh	09/05/2006	Nữ	Kinh	Quảng Bình	Mạc Đình Chi, Chư Sê	Tiếng Anh	9.8	Toán	9.7	x	x	6.00	8.00	8.10	
2	H K 0026	Nguyễn Trinh Kiều Anh	04/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Hóa học	8.7			x		8.50	4.50	5.20	
3	A K 0027	Hồ Thảo Lam Anh	08/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu - Đăk Đoa	Tiếng Anh	9.6					8.00	5.25	9.00	Ba Tiếng Anh
4	B K 0028	Đinh Hoàng Lan Anh	25/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Lịch sử	8.9			x	x	7.00	3.50	4.10	
5	V A 0029	Nguyễn Lan Anh	13/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	7.6	Tiếng Anh	8.1	x		7.50	4.75	2.90	
6	H T 0030	Nguyễn Lan Anh	24/07/2006	Nữ	Kinh	Hải Phòng	Trần Quốc Tuấn - Đak Pơ	Hóa học	9.5	Toán	8.8	x	x	7.00	8.00	5.10	KK Hóa học
7	A K 0031	Trần Thị Lan Anh	01/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Tiếng Anh	8.8			x	x	6.00	4.75	7.70	
8	S K 0032	Ngô Vũ Lan Anh	17/03/2005	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Sinh học	8.7			x		7.00	4.75	2.70	
9	A K 0033	Lê Hoàng Minh Anh	08/08/2006	Nữ	Kinh	Hồ Chí Minh	APC - Pleiku	Tiếng Anh	9.5			x	x	7.50	6.25	8.70	
10	T C 0034	Nguyễn Thị Minh Anh	15/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	9.3	Tin học	8.9	x		8.25	9.00	4.50	
11	V B 0035	Trần Mỹ Anh	20/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	8.0	Lịch sử	8.0	x		8.00	7.00	3.60	
12	T A 0036	Trịnh Mỹ Anh	18/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	9.0	Tiếng Anh	9.7	x	x	8.00	9.00	7.80	
13	B K 0037	Trần Phan Ngọc Anh	09/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Lịch sử	9.5			x		5.75	3.25	2.80	
14	L C 0038	Nguyễn Nhật Anh	22/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Vật lý	8.8	Tin học	9.3	x	x	7.25	10.00	5.90	
15	V C 0039	Phan Ngọc Nhật Anh	30/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân - Pleiku	Ngữ văn	9.3	Tin học	8.3	x		6.75	6.50	2.20	
16	A K 0040	Trần Thị Nhật Anh	19/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự - Pleiku	Tiếng Anh	9.6			x		6.50	6.25	5.90	
17	V K 0041	Dư Phương Anh	05/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	7.7			x	x	8.25	1.50	3.20	
18	S L 0042	Nguyễn Hoàng Phương Anh	10/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Sinh học	9.2	Vật lý	8.8	x		5.50	3.25	4.30	
19	S V 0043	Nguyễn Phương Anh	19/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng - Pleiku	Sinh học	8.2	Ngữ văn	8.5	x		7.25	5.50	7.00	
20	A K 0044	Nguyễn Phương Anh	24/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.1			x	x	8.50	5.50	7.20	
21	H K 0045	Nguyễn Thị Phương Anh	22/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.5			x		8.25	5.50	4.90	
22	A B 0046	Trần Phương Anh	14/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tiếng Anh	8.5	Lịch sử	8.5	x		5.50	4.00	4.10	
23	T C 0047	Nguyễn Phước Anh	10/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	8.8	Tin học	7.9	x		5.00	7.00	3.20	
24	A H 0048	Đặng Thị Phước Anh	24/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương - Pleiku	Tiếng Anh	9.1	Hóa học	8.4	x		6.75	5.75	6.20	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm: Đỗ Phan Văn Loan

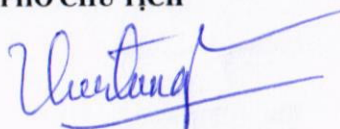
Người nhập điểm: Trần Lê Dũng Hào

Người soát điểm thứ nhất: Trần Thị Ngọc Hằng

Người soát điểm thứ hai: Trần Thị Bích Ngọc

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 01

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TB	Điểm thi			Ghi chú
									Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	T C 0001	Nguyễn Phúc Bình	An	11/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Toán	9.7	Tin học	9.3	x	x	6.00	9.00	5.50	
2	L C 0002	Bùi	An	04/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Vật lí	9.1	Tin học	7.9	x	x	7.50	8.50	4.80	
3	T C 0003	Nguyễn Hải	An	23/05/2006	Nam	Kinh	TP Hồ Chí Minh	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	8.6	Tin học	7.5	x		4.50	6.75		
4	H K 0004	Tô Hoài	An	24/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Hóa học	8.9			x		5.25	5.50	4.20	
5	T A 0005	Lê Nguyễn Hữu	An	04/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	9.8	Tiếng Anh	9.8	x	x				Ba Toán
6	V K 0006	Hồ Nhật	An	07/10/2006	Nữ	Kinh	Thừa Thiên Huế	Trần Phú - Pleiku	Ngữ văn	8.2			x		7.00	7.75	3.00	
7	T A 0007	Nguyễn Lê Thanh	An	04/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Toán	8.7	Tiếng Anh	9.7	x	x	7.25	10.00	9.20	Ba tiếng Anh
8	A V 0008	Nguyễn Trần Thùy	An	08/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.2	Ngữ văn	8.8	x		8.00	5.75	5.00	
9	B V 0009	Trần Thị Thúy	An	01/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Lịch sử	9.7	Ngữ văn	8.2	x	x	6.75	5.00	3.50	
10	T C 0010	Nguyễn Công Trường	An	09/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Toán	10.0	Tin học	9.8	x	x	8.50	9.25	9.10	Ba Toán
11	S K 0011	Lê Nguyễn Châu	Anh	14/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Sinh học	8.7			x	x	7.50	2.50	2.30	
12	S H 0012	Hồ Duy	Anh	11/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Sinh học	8.9	Hóa học	9.2	x	x	6.50	7.00	6.10	
13	H A 0013	Đỗ Hoàng Đan	Anh	28/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.9	Tiếng Anh	9.3		x	7.00	5.50	5.80	
14	T C 0014	Nguyễn Đức	Anh	28/05/2006	Nam	Kinh	Quảng Nam	Nguyễn Huệ - Pleiku	Toán	9.0	Tin học	8.4	x		5.75	7.00	2.70	
15	V K 0015	Trần Đức	Anh	17/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Ngữ văn	8.5			x	x	7.00	2.25	3.00	
16	V K 0016	Thân Nữ Hà	Anh	24/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Đình Chinh - Chư Prông	Ngữ văn	9.0					5.50	2.50	2.50	
17	L A 0017	Nguyễn Hải	Anh	06/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Vật lí	9.9	Tiếng Anh	9.6	x	x	7.75	10.00	8.70	
18	D C 0018	Huỳnh Ngọc Hiền	Anh	13/12/2006	Nữ	Kinh	Quảng Trị	Trung Vương - Pleiku	Địa lí	8.5	Tin học	8.4	x		7.50	5.75	4.60	
19	A L 0019	Rcom Huỳnh Hoài	Anh	21/02/2006	Nam	Jrai	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Tiếng Anh	8.0	Vật lí	7.9	x	x	5.00	5.25	7.10	
20	L K 0020	Vũ Hoài	Anh	19/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Vật lí	9.4					6.50	5.50	4.70	
21	D C 0021	Đỗ Hoàng	Anh	09/04/2006	Nam	Kinh	Thanh Hóa	Trần Phú - Pleiku	Địa lí	8.1	Tin học	7.6	x		4.00	5.00	3.40	
22	V C 0022	Phạm Nguyễn Hoàng	Anh	23/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Ngữ văn	8.3	Tin học	8.8	x	x	5.58	4.25	4.60	
23	T C 0023	Lê Hồng	Anh	17/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Toán	8.1	Tin học	9.2	x		6.75	5.25	2.80	
24	H K 0024	Lê Thị Hồng	Anh	24/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu - Đak Đoa	Hóa học	9.9					7.50	6.00	4.80	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Người đọc điểm: *Phạm Văn Loan*

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

KT. GIÁM ĐỐC

Người nhập điểm: *Phạm Văn Loan*

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

Người soát điểm thứ nhất: *Đỗ Thị Ngọc Huyền*

Vũ Tiến Tùng

Phạm Văn Loan
Bùi Khoa Nghi

Vũ Tiến Tùng